TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN D** **TỈNH KHÁNH HÒA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 49/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 10 -10-2019
V/v: Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN D

***- THnh phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Ẩn
Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Hưởng
Ông Lê Quốc Tân

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoài - Thư ký Tòa án nhân dân huyện D - Khánh Hòa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện D tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Cường - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện D xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 160/2019/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 7 năm 2019 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 66/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 10 năm 2019, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông **Lê Quang B** – sinh năm 1982
Địa chỉ: Thôn B K, xã Diên H, D, Khánh Hòa.
Ông B có mặt.
- Bị đơn: Bà **Huỳnh Thị Bích H** – sinh năm 1983
Địa chỉ: Thôn B K, xã Diên H, D, Khánh Hòa.
Bà H có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện đề ngày 11/7/2019 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Lê Quang B trình bày: Ông và bà Huỳnh Thị Bích H tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2005, đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã Diên H vào năm 2007. Trong thời gian chung sống với bà H, ông nhận thấy có quá nhiều điểm khác nhau, vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn, giữa bà H và mẹ ông B thường xuyên kình cãi nghiêm trọng, đỉnh điểm vào tháng 3/2018, bà H và mẹ ông B có xảy ra xô xát. Sau đó, bà H bỏ nhà đi từ tháng 4/2018 cho đến nay. Vào khoảng tháng 7/2019, ông B phát hiện bà H có người đàn ông khác bên ngoài, nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông B được ly hôn với bà H; về con chung: Ông và bà H có hai con chung là Lê Huỳnh Kim N, sinh ngày 20/11/2006 và Lê Huỳnh

P, sinh ngày 20/01/2011. Ông B có nguyện vọng được nuôi dưỡng hai con chung và không yêu cầu bà H cấp dưỡng nuôi con chung; về tài sản chung: Ông B và bà H tự thỏa thuận; về nợ chung: Ông B xác định không có.

- Tại biên bản lấy lời khai ngày 12/8/2019, bị đơn bà Huỳnh Thị Bích H trình bày: Về thời gian, địa điểm đăng kí kết hôn bà H thống nhất như lời trình bày của ông B. Trong cuộc sống vợ chồng không xảy ra mâu thuẫn gì lớn. Chỉ xảy ra mâu thuẫn giữa bà H và mẹ chồng, mẹ chồng thường xuyên chửi mắng, xúc phạm bà nên hai mẹ con không được hòa hợp. Tháng 4/2018, mẹ chồng đuổi bà ra khỏi nH nên bà đã ra ngoài ở trọ cho đến nay. Ông B yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, bà không đồng ý vì muốn các con nhận được sự chăm sóc của cả cha và mẹ. Ông B cho rằng bà H quen người đàn ông khác là không đúng, người đàn ông mà ông B gặp đi cùng vào nhà trọ với bà là người thuê trọ cùng khu, giữa bà và ông ta không có quan hệ bất chính; về con chung: Bà H thống nhất với lời trình bày của ông B. Nếu Tòa án giải quyết cho vợ chồng bà ly hôn, bà có nguyện vọng giao hai con chung cho ông B nuôi dưỡng và bà H không cấp dưỡng nuôi con chung; về tài sản chung: Bà H và ông B tự thỏa thuận; về nợ chung: Bà H xác định không có.

- Tại phiên tòa, nguyên đơn ông Lê Quang B vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn đối với bà Huỳnh Thị Bích H; ông B có nguyện vọng được nuôi dưỡng hai con chung và không yêu cầu bà H cấp dưỡng nuôi con chung; tài sản chung: tự thỏa thuận; nợ chung: không có. Bị đơn bà Huỳnh Thị Bích H không đồng ý ly hôn; trường hợp ly hôn bà đồng ý giao con chung cho ông B nuôi dưỡng và bà cấp dưỡng nuôi con chung Hng tháng 500.000 đồng cho mỗi con chung, thời gian cấp dưỡng kể từ tháng 10/2019 cho đến khi mỗi con chung đủ 18 tuổi; tài sản chung: tự thỏa thuận; nợ chung: không có.

- Ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân huyện D: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và đương sự đã tuân thủ đúng quy định pháp luật tố tụng. Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, cho ông Lê Quang B được ly hôn với bà Huỳnh Thị Bích H; giao cho ông B trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung là Lê Huỳnh Kim N, sinh ngày 20/11/2006 và Lê Huỳnh P, sinh ngày 20/01/2011, bà H cấp dưỡng nuôi con chung Hng tháng 500.000 đồng cho mỗi con chung; về tài sản chung: Ông B và bà H tự thỏa thuận; về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Lê Quang B và bà Huỳnh Thị Bích H tự nguyện chung sống và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Diên H và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 66 ngày 17/11/2005; đây là hôn nhân hợp pháp.

Hội đồng xét xử nhận thấy: Trong thời gian chung sống, giữa ông B và bà H thường xuyên xảy ra mâu thuẫn về vấn đề chăm sóc, nuôi dưỡng con chung Quan hệ giữa mẹ của ông B và với bà H mâu thuẫn kéo dài, hai đương sự không thể hòa giải được. Ông B và bà H không còn chung sống với nhau từ tháng 4/2018, xét mâu thuẫn trong cuộc sống hôn nhân giữa ông B và bà H đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện ông B là phù hợp.

[2] Về con chung: Ông Lê Quang B và bà Huỳnh Thị Bích H có hai con chung là Lê Huỳnh Kim N, sinh ngày 20/11/2006 và Lê Huỳnh P, sinh ngày 20/01/2011. Ông B và bà H thống nhất giao hai con chung cho ông B nuôi dưỡng và bà H cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 500.000 đồng cho mỗi con chung nếu như Tòa án chấp nhận yêu cầu giải quyết ly hôn của ông B. Xét đây là sự tự nguyện thỏa thuận nên ghi nhận, buộc bà H có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng kể từ tháng 10/2019 cho đến khi mỗi con chung đủ 18 tuổi là phù hợp.

[3] Về tài sản chung: Ông B và bà H tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[4] Về án phí: Nguyên đơn phải nộp án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm; bị đơn phải nộp án phí dân sự sơ thẩm đối với người có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 51; Điều 56; Điều 81; Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Điều 147; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTUQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, ông Lê Quang B được ly hôn với bà Huỳnh Thị Bích H.

2. Về con chung: Giao cho ông Lê Quang B trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục hai con chung là Lê Huỳnh Kim N, sinh ngày 20/11/2006 và Lê Huỳnh P, sinh ngày 20/01/2011. Bà H cấp dưỡng mỗi tháng 500.000 đồng cho mỗi con chung, thời gian cấp dưỡng kể từ tháng 10/2019 cho đến khi mỗi con chung đủ 18 tuổi.

Bà H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Trong quá trình nuôi dưỡng con chung, ông B và bà H đều có quyền yêu cầu thay đổi việc nuôi con chung cũng như việc cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Về án phí: Ông Lê Quang B phải nộp 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* tạm ứng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm mà ông B đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2018/0007079 ngày 30 tháng 7 năm 2019 của Chi cục Thi hành án

dân sự huyện D nên ông B đã nộp đủ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Bà Huỳnh Thị Bích H phải nộp 300.000 đồng tiền án phí dân sự đối với người có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

Quy định: Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi Hnh án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

**** Nơi nhận:***
- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND huyện D;
- Chi cục THADS huyện D;
- UBND xã Diên H
(Nơi đăng ký kết hôn);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

Bùi Thị Ẩn

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**